ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /2026/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 498/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 là căn cứ để đánh giá thực trạng và mức độ đạt các tiêu chí đối với các xã trên địa bàn tỉnh An Giang, căn cứ để thẩm định và xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 (đính kèm Phụ lục).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu

a) Căn cứ vào hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn đánh giá chi tiết và hồ sơ minh chứng cụ thể các tiêu chí, chỉ tiêu đối với từng nhóm xã, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thẩm định, đánh giá, các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đoàn thể liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh liên quan chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các xã trên địa bàn. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí đối với các xã trên địa bàn phù hợp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững).

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đơn vị trực thuộc;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối tỉnh;
- UBND các xã;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh và các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, vdcau "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

Số: 23/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-04-29T14:23:29+07:00

Phụ lục

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 23 /2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 04 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt[1], được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ	Đạt	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định;	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định;	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định;	Sở Xây dựng

[1] Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	**Xã nhóm 3**	
		lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa		- Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo theo quy hoạch được phê duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa; - Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực	- Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo theo quy hoạch được phê duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì;	- Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo theo quy hoạch được phê duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm	

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	**Xã nhóm 3**	
				hiện công tác bảo trì hàng năm.			
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm. - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥90%. - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥80%; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất	≥98%	≥99%	≥99%	≥98%	Sở Công thương

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định					
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	- Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất - Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn các thôn thuộc xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân 9,5% - 12%/năm	≥12%	≥10,5%	≥9,5%	Sở Tài chính
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm					
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	≥03 mô hình	≥02 mô hình	≥01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030; - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.		- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030; - Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn; - Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
						tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).		- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).	Sở Du lịch
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	≥02 Hợp tác xã	≥02 Hợp tác xã	≥02 Hợp tác xã	Sở Tài chính

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định	≥01	≥01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	≥01	≥01	≥01	- Sở Công Thương phụ trách nội dung Cụm công nghiệp; - Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phụ trách nội dung Khu công nghiệp;

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
							- Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách nội dung Làng nghề được công nhận và nội dung Khu vực sản xuất dịch vụ
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	≥40%	≥35%	≥27%	Sở Giáo dục và đào tạo
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	≥60%	≥50%	≥40%	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đảm bảo đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sơ; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số và (6) Về nhân lực quản lý văn hóa.			Sở Văn hóa và Thể thao
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	- Tỷ lệ trường học các cấp (tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều	- Tỷ lệ trường học các cấp (tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao	- Tỷ lệ trường học các cấp (tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia đạt ≥90% - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt ≥95% - 100% cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt ≥95% - Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất đạt 100%	nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia đạt ≥80% - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt ≥85% - 100% cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt ≥90% - Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất đạt 100% - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập	học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia đạt ≥70% - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt ≥75% - 100% cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác đạt ≥80% - Tỷ lệ số trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất đạt 100% - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	**Xã nhóm 3**	
				- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	- Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		các dịch vụ chăm sóc xã hội					
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥80%, trong đó phải có ≥60% hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥70%, trong đó phải có ≥40% hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥40%, bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an[2]"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

[2] 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 -2030 đạt từ 25% trở lên; - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực…) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia; - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ; - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp; - Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn			Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			- Sở Y tế phụ trách lĩnh vực Y tế; - Sở Công Thương phụ trách lĩnh

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
							vực công thương; - Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách lĩnh vực nông nghiệp.
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ ≥85%.	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				giải quyết công việc đạt tỷ lệ ≥95%. - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi	- Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥85%. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥85%.	công việc đạt tỷ lệ ≥70%. - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ. - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%. - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥70%. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ	

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	**Xã nhóm 2**	**Xã nhóm 3**	
				trường của xã đạt ≥95%. - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥95%.		liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥70%.	
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công thương
		7.4. Có mô hình thôn (ấp) thông minh	≥01 mô hình	≥02 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	- Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn xã được phân loại, thu gom, xử lý đạt từ 80% trở lên. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp, công đoạn xử lý chất thải khác (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã.			Sở Nông nghiệp và Môi trường

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[3], làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	- Phương án thoát nước và thu gom: Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm	- Phương án thoát nước và thu gom: Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Chỉ tiêu xử lý nước thải sinh hoạt: Đảm bảo tỷ lệ	- Phương án thoát nước và thu gom: Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường.	Sở Xây dựng

[3] Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, chế biến nông lâm thuỷ sản

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường. - Chỉ tiêu xử lý nước thải sinh hoạt: + Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên. + Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt	nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên.	- Chỉ tiêu xử lý nước thải sinh hoạt: Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%. Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên.	

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				quy chuẩn kỹ thuật môi trường.			
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Tiêu chuẩn			Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	- An ninh, trật tự được bảo đảm. - Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả. - Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng và điều kiện hoạt động.			Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh